TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **94**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2019

V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Văn Màu**
2. Ông **Nguyễn Văn Tám**
- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Luân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Trong ngày **07** tháng **6** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 221/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2019 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Chí T**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Anh T có mặt; chị K có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/4/2019 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước anh T và chị K kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C theo giấy đăng ký kết hôn số 47 ngày 05/5/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẩn, do chị K chơi cờ bạc, không quan T đến việc nhà, không lo cho con dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên, anh đã nhiều lần K ngăn

nhưng chị K không thay đổi, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Do tình cảm giữa vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu ly hôn với chị K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia Kh, sinh ngày 17/12/2010, hiện con chung do anh T đang chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 28/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng, về mâu thuẩn vợ chồng như anh T trình bày là không đúng, nguyên nhân mâu thuẩn là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng cự cãi thường xuyên, nay chị K đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia Kh, sinh ngày 17/12/2010, khi ly hôn chị K yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị Nguyễn Thị K có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước anh T và chị K kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C theo giấy đăng ký kết hôn số 47 ngày 05/5/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét, sau khi anh T và chị K cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẩn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên thường hay cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, do tình cảm không còn nên anh T yêu cầu ly hôn với chị K. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 28/5/2019 thì chị K cũng đồng ý ly hôn với anh T. Mặc dù, Tòa án đã động viên, hòa giải nhưng anh T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị K. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia Kh, sinh ngày 17/12/2010, khi ly hôn thì anh T và chị K đều yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên. Theo lời khai của chị K và anh T trình bày thống nhất từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2013 cho đến nay thì con chung sống

với anh T. Xét, cháu Gia Kh hiện đang đi học lớp 03 tại trường T, huyện C đã ổn định và theo bản tự khai của cháu Khánh thì cháu có nguyện vọng sống với anh T. Còn chị K yêu cầu nuôi con nhưng quê của chị K ở Thị xã T, tỉnh Bắc Ninh nếu giao con cho chị nuôi dưỡng thì sẽ ảnh hưởng đến việc học tập và cuộc sống của con chung. Mặc khác, hiện tại anh T cũng có công việc làm ổn định thu nhập hàng tháng đảm bảo để nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Do đó, để đảm bảo cho cháu Kh được ổn định cuộc sống nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T giao cháu Kh cho anh T nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là không có căn cứ chấp nhận. Do anh T không có yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Tự thoả thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên anh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Chí T được ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia Kh, sinh ngày 17/12/2010 cho anh Nguyễn Văn Chí T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu. Chị K được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Chí T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10060 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên anh T đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Chí T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị K có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** *Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Hồ Văn Khoẻ

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày **07** tháng **6** năm **2019**
Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khoẻ**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Văn Cường**
2. Ông **Lê Văn Lâu**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 221/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Chí T**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

2. Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Chí T được ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia Khánh, sinh ngày 17/12/2010 cho anh Nguyễn Văn Chí T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu. Chị K được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Chí T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10060 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên anh T đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Chí T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị K có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

3. Về các vấn đề khác:

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày **07** tháng **6** năm **2019**.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Hồ Văn Khoẻ